TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày 07 tháng 9 năm 2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Vân;

2. Đỗ Thị Ấn.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hồ Quỳnh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Mai Minh Thuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 30/2023/TLST- HNGĐ ngày 14/6/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2023/QĐST-DS, ngày 22/8/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Sùng Mí S; Sinh năm: 1989; Nghề nghiệp: Làm nương; Dân tộc: Mông; CCCD số: 002089002093 do Cục CSQLHCVTTXH – BCA cấp ngày 27/4/2021; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn S 1, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Lù Thị C; Sinh năm: 1993; địa chỉ nơi cư trú: Thôn S 1, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 19/5/2023, bản tự khai ngày 14/6/2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Sùng Mí S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh S và chị Lù Thị C, sinh năm 1993 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010 tại thôn S 1, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hà Giang, sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Hà

Giang vào ngày 15/6/2013. Quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nhiều lần hòa giải không thành, đến năm 2015 chị Lù Thị C tự ý bỏ nhà đi đến nay không rõ tung tích, anh S đã báo cáo chính quyền địa phương và cùng gia đình hai bên tìm kiếm nhưng vẫn không có tin tức gì về chị C. Nay chị C đã biệt tích hơn 08 năm, anh S đã gửi đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Y tuyên bố một người mất tích đối với chị Lù Thị C, địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Thôn S 1, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Ngày 27/4/2023 Tòa án ra quyết định số 08/2023/QĐST-VDS tuyên bố chị Lù Thị C mất tích. Nay cần ổn định cuộc sống anh S đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị C.

Về con chung: Anh S xác nhận, anh và chị C có một con chung là cháu Sùng Minh L, sinh ngày 01/4/2012, từ khi chị C bỏ đi con do anh S chăm sóc, nuôi dưỡng nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh tiếp tục được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh S xác nhận chị Lù Thị C bỏ đi không để lại tài sản gì, vợ chồng anh không có tài sản chung, không vay nợ ai, không ai vay nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Lù Thị C đã bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích số: 08/2023/QĐST-VDS ngày 27/4/2023. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ đối với chị Lù Thị C nhưng chị C không có mặt để tham gia tố tụng.

Tại biên bản xác minh ngày 04/8/2023 đối với ông Hà Văn Lực – Cán bộ tư pháp, hộ tích ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Hà Giang cung cấp: Chị Lù Thị C, sinh năm 1993 có địa chỉ tại thôn S 1, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hà Giang nhưng từ năm 2015 cho đến nay chị C tự ý bỏ đi khỏi địa phương nơi cư trú, nay không có tin tức gì về chị Lù Thị C đang ở đâu, làm gì. Anh Sùng Mí S và chị Lù Thị C có một con chung là cháu Sùng Minh L, sinh ngày 01/4/2012, từ khi chị C bỏ đi, anh S là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Cháu Sùng Minh L có đơn nguyện vọng xin được ở cùng bố vì mẹ cháu bỏ nhà đi từ khi cháu còn bé, đến nay vẫn không rõ mẹ cháu ở đâu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp; Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ, tống đạt đảm bảo quyền lợi của đương sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 2 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Sùng Mí S, cho anh S được ly hôn với chị Lù Thị C. Về con chung: Giao cháu Sùng Minh L, sinh ngày 01/4/2012 cho anh Sùng Mí S là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị Lù Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, công nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Sùng Mí S.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn anh Sùng Mí S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Lù Thị C, nơi cư trú cuối cùng tại thôn S 1, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hà Giang là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành tốt các quyết định của Tòa án; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Lù Thị C.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Sùng Mí S và chị Lù Thị C có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 15/6/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Hà Giang nên hôn nhân giữa anh Sùng Mí S và chị Lù Thị C là hợp pháp.

[4] Bị đơn chị Lù Thị C đã bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích số: 08/2023/QĐST-VDS ngày 27/4/2023.

[5] Về căn cứ cho ly hôn: Anh Sùng Mí S là chồng của chị Lù Thị C là người bị Tòa án tuyên bố mất tích xin ly hôn, nên yêu cầu ly hôn với chị C của anh S là có căn cứ, phù hợp, đúng với quy định tại khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần được chấp nhận.

[6] Về con chung: Anh Sùng Mí S xác nhận anh và chị Lù Thị C có một con chung là cháu Sùng Minh L, sinh ngày 01/4/2012, ly hôn anh S có yêu cầu là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị C không phải cấp dưỡng nuôi con; Hội đồng xét xử xét thấy từ năm 2015 chị C bỏ nhà đi đến nay anh S vẫn trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, ngoài ra cháu Lương có đơn nguyện vọng được ở cùng bố, nên yêu cầu được nuôi con của anh S là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình cần được chấp nhận.

[7] Về tài sản, công nợ chung: Anh Sùng Mí S xác nhận không có, vợ chồng không nợ ai hay ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Các đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Chấp nhận đơn xin miễn án phí của anh Sùng Mí S ngày 14/6/2023 vì anh S là đồng bào dân tộc thiểu số (dân tộc Mông) sinh sống ở thôn S 1, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hà Giang là nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình anh S thuộc hộ nghèo nên miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho anh Sùng Mí S theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Sùng Mí S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Sùng Mí S được ly hôn với chị Lù Thị C.

2. Về con chung: Giao cháu Sùng Minh L, sinh ngày 01/4/2012 cho anh Sùng Mí S là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị Lù Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con. Thời điểm giao con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. Về án phí: Miễn 300.000[đ] (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho anh Sùng Mí S.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Y;
- UBND xã Đ, huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Đoàn Ngọc Vĩnh